

Bản án số: **03/2023/HS-ST**

Ngày: 11-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Văn Tao

2/ Bà Trần Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đào Minh Nguyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Lê Thị Hồng L**, sinh năm 1985, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 40 Tổ 2, Ấp 2, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Tấn Xương và bà: Nguyễn Thị Hiền; Có chồng là: Lê Hoàng Lâm, sinh năm 1984; Có 01 con sinh năm 2013.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Lê Văn T** (tên gọi khác: Queo), sinh năm 1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: 38, Ấp 2, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Hữu Lợi và bà: Kiều Thị Hai; Có vợ là: Hồ Thị Hồng Mỹ, sinh năm 1987; Có 02 con, sinh năm 2003 và năm 2014.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15 tháng 07 năm 2014, đến ngày 30 tháng 08 năm 2014 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 27/05/2021, bị cáo bị bắt trong vụ án khác, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa – T30, Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: **Lê Thị Mộng C**, sinh năm 1981, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 47/2A đường Nguyễn Văn Tạo, ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn Khương và bà: Huỳnh Thị Cúc; Có chồng là: Đỗ Quốc Thái, sinh năm 1983; Có 02 con, sinh năm 2003 và năm 2015.

Tiền án: Ngày 27 tháng 05 năm 2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè xử phạt 15.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 29/2013/HS-ST. Bị cáo Cẩm đã chấp hành xong theo phiếu xác nhận số 262 ngày 07 tháng 12 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4/ Họ và tên: **Nguyễn Văn S** (tên gọi khác: Ba sò), sinh năm 1965, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 202 Ấp 3, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Mòi (Đã chết) và bà: Đỗ Thị Đất; Có vợ là: Nguyễn Thị Thương, sinh năm 1963; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1997.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01 tháng 07 năm 2014, đến ngày 30 tháng 08 năm 2014 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5/ Họ và tên: **Lê Văn V** (tên gọi khác: Chai), sinh năm 1975, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 18 Ấp 1, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 45/19 đường Huỳnh Tân Phát, Ấp 5, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Hữu Lợi và bà: Kiều Thị Hai; Có vợ là: Nguyễn Thị Kim L2, sinh năm 1976; Có 02 con, sinh năm 1996 và năm 2003.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01 tháng 07 năm 2014, đến ngày 29 tháng 07 năm 2014 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

6/ Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1983, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 219/9A Ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Minh và bà: Đào Thị Chùm; Có vợ là: Đặng Thị Quan Miều, sinh năm 1982; Có 02 con, sinh năm 2000 và năm 2001.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01 tháng 07 năm 2014, đến ngày 30 tháng 08 năm 2014 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

7/ Họ và tên: **Lê Thị Kim H** (tên gọi khác: Ánh), sinh năm 1964, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 39A Ấp 1, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Hữu Huê (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị Diễm (Đã chết); Có chồng là: Nguyễn Văn Năm, sinh năm 1963; Có 02 con, sinh năm 1984 và năm 1986.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01 tháng 07 năm 2014, đến ngày 30 tháng 08 năm 2014 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

8/ Họ và tên: **Lê Thành H** (tên gọi khác: Việt), sinh năm 1982, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 40 Tổ 2, Ấp 2, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Tấn Xương và bà: Nguyễn Thị Hiền; Có vợ là: Trần Thị Kim Mộng, sinh năm 1984; Có 02 con, sinh năm 2002 và năm 2007.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27 tháng 08 năm 2014, đến ngày 26 tháng 10 năm 2014 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

9/ Họ và tên: **Nhữ Thị H1**, sinh năm 1971, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 203 Ấp 2, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ

Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nhữ Văn Bi (Đã chết) và bà: Nhữ Thị Đăng; Có chồng là: Võ Tấn Ngọc (Đã chết); Có 02 con, sinh năm 1993 và năm 1999.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27 tháng 08 năm 2014, đến ngày 26 tháng 10 năm 2014 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

10/ Họ và tên: **Phạm Văn L1**, sinh năm 1983, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 70, Ấp 1, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Tổ 2, Khu phố 1, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn Sáu và bà: Nguyễn Thị Em; Có vợ là: Trương Thị Thu Thủy, sinh năm 1985; Có 01 con, sinh năm 2017.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01 tháng 7 năm 2014, đến ngày 30 tháng 8 năm 2014 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/ Bà Nguyễn Thị Kim L2, sinh năm 1976 (*Có mặt*)

Địa chỉ: 18, Ấp 1, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn Tấn N1, sinh năm 1970 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 716, Tổ 3, Ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

3/ Bà Nguyễn Hồng N2, sinh năm 1972 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 52, Ấp 1, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1979 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 225, Tổ 9, Ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

5/ Ông Trần Văn L3, sinh năm 1979 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 156 Đường Phan Văn Bảy, Ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 27 tháng 4 năm 2014, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện Nhà Bè kết hợp với Công an xã Long Thới huyện Nhà Bè bắt quả tang tại nhà không số, đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 2,

xã Long Thới, huyện Nhà Bè do Lê Thị Hồng L làm chủ có hành vi tổ chức đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào (loại bài 3 lá) đếm nút ăn tiền để thu tiền xâu.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 27 tháng 4 năm 2014, Lê Thị Hồng L tổ chức tiệc thổi nôi cho con tại nhà của Lan, địa chỉ: Nhà không số, đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 2, xã Long Thới, huyện Nhà Bè. Lan đã mời đến dự tiệc thổi nôi con Lan gồm: Nguyễn Thị Kim L2, Lê Văn T, Nguyễn Tấn N1, Lê Thị Mộng C, Phạm Văn L1, Nguyễn Văn L, Lê Thị Kim H, Lê Văn V, Nguyễn Văn S, Lê Thành H, Nguyễn Hồng N2, Nhữ Thị H1, Nguyễn Thị L2, Trần Văn L3. Đến 14 giờ 00 phút cùng ngày, Lan đem ra 01 chiếu sọc vàng, đỏ, xanh và 20 bộ bài tây, loại bài 52 lá cho Liêm, Nhân, Cẩm, Linh, Hồng, Vi, Sạo, Hiệp, Nở, Hào, Loan, Lù chơi bài cào ăn tiền, lấy tiền xâu. Đồng thời, Lan yêu cầu Tư ra ngoài giữ xe và cảnh giới Công an.

Hình thức lấy tiền xâu là cứ hai ván bài người nào làm cái thắng thì xâu cho Lan từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng (tùy theo nhà cái thắng nhiều hay ít), những người đặt tụ và ké tụ thì không xâu. Khi Lan lấy tiền xâu được 180.000 đồng thì giao lại cho Nguyễn Thị Kim L2 tiếp tục lấy tiền xâu vì lúc này Lan có việc nhà. Lê lấy xâu được 50.000 đồng thì Công an huyện Nhà Bè bắt quả tang.

Những người vừa đặt tụ vừa làm cái được xác định gồm: Liêm, Nhân, Cẩm, Linh, Hồng, Vi, Sạo, Hiệp. Mỗi người làm cái hai ván xoay vòng, khi một người làm cái thì bên ngoài có khoảng 10 đến 11 tụ đặt, số tiền mỗi tụ đặt ít nhất 100.000 đồng và cao nhất 500.000 đồng; Loan, Hào, Nở chỉ đặt tụ không làm cái; còn Lù đứng bên ngoài ké tụ. Chơi đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì Cẩm, Nhân, Hiệp nghỉ đi về, những người còn lại tiếp tục chơi đến khoảng 16 giờ. Lúc này Sạo đang làm cái ván cuối cùng thì lực lượng Công an ập vào bắt quả tang.

Thu giữ tiền trong người các đối tượng dùng để đánh bạc gồm: Linh 750.000 đồng, Liêm 3.000.000 đồng, Vi 2.200.000 đồng, Sạo 6.100.000 đồng, Hồng 2.500.000 đồng, Hiệp 7.000.000 đồng, Hào 400.000 đồng. Tổng cộng số tiền dùng để đánh bạc là: 21.950.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè, các bị cáo: Lê Thị Hồng L, Lê Văn T, Nguyễn Thị Kim L2, Nguyễn Tấn N1, Lê Thị Mộng C, Phạm Văn L1, Nguyễn Văn S, Lê Văn V, Nguyễn Văn L, Lê Thị Kim H, Nguyễn Hồng N2, Nguyễn Thị L2, Lê Thành H, Nhữ Thị H1 và Trần Văn L3 cùng khai nhận số tiền 22.050.000 đồng thu giữ là tiền bị cáo và các đối tượng dùng để đánh bài như đã nêu trên. Trong quá trình đánh bài Lê Thị Hồng L là người đứng ra tổ chức; Lê Văn T cảnh giới và Lê Thị Hồng L, Nguyễn Thị Kim L2 lấy xâu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo: Lê Thị Hồng L, Lê Văn T, Lê Thị Mộng C, Nguyễn Văn S, Lê Văn V, Nguyễn Văn L, Lê Thị Kim H, Lê Thành H, Nhữ Thị H1, Phạm Văn L1 về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng số 65/CT-VKS-NB ngày 28 tháng 11 năm 2022 và sau khi phân tích, luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 249, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng L từ 20 đến 25 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 15 đến 20 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thị Mộng C từ 20 đến 25 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 10 đến 15 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Văn V từ 07 đến 10 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 07 đến 10 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thị Kim H từ 07 đến 10 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thành H từ 15 đến 20 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nhữ Thị H1 từ 07 đến 10 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Văn L1 từ 20 đến 25 triệu đồng.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về việc xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu sọc vàng, đỏ, xanh, kích thước 2x1,6m; 20 bộ bài tây, loại 52 lá, hiệu 52 lá, hiệu Doublek.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 400.000 đồng (Thu giữ của Nhữ Thị H1 dùng để đánh bạc);

+ 750.000 đồng (Thu giữ của Nguyễn Văn L dùng để đánh bạc);

+ 180.000 đồng (Thu giữ của Lê Thị Hồng L – Tiền râu);

+ 50.000 đồng (Thu giữ của Nguyễn Thị Kim L2 - lấy râu thay cho Lan);

+ 2.200.000 đồng (Thu giữ của Lê Văn V dùng để đánh bạc);

+ 6.100.000 đồng (Thu giữ của Nguyễn Văn S dùng để đánh bạc);

+ 2.500.000 đồng (Thu giữ của Lê Thị Kim H dùng để đánh bạc);

+ 7.000.000 đồng (Thu giữ của Lê Thành H dùng để đánh bạc);

+ 3.000.000 đồng (Thu giữ của Phạm Văn L1 dùng để đánh bạc);

+ Không thu giữ được tiền của bị cáo Cầm.

Tổng cộng là: **22.180.000** đồng.

- Trả lại các tài sản sau do không liên quan đến việc phạm tội:

+ Nhữ Thị H1: 9.295.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 55Z8-3451, nhãn hiệu Honda Click, màu đỏ đen, số máy F18E-0209529, số khung 806AY-758411; 01 điện thoại di động Nokia 6300, màu đen-trắng.

+ Nguyễn Văn L: 01 xe mô tô biển số 59Z1-041.96, nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu đỏ-đen, số máy 5P11-354031, số khung 10BY-354026; 01 điện thoại di động Nokia X1; 01 điện thoại di động Nokia X2.

+ Phạm Văn L1: 01 xe mô tô biển số 54L1-3295, nhãn hiệu Wave, màu bạc-đỏ-đen, số máy V-346378, số khung H-006378; 01 điện thoại di động Nokia 1308.

+ Nguyễn Thị L2: 01 xe mô tô biển số 53R9-2050, nhãn hiệu Attila, màu trắng, số máy VMEM9B-419860, số khung H125ED4D-419860; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Masster 25.

+ Nguyễn Hồng N2: 01 xe mô tô biển số 52Z8-6408, nhãn hiệu Wave α , màu đen, số máy HC09E-5492256, số khung Y-392997; 01 điện thoại di động Nokia 0434, màu đen.

+ Lê Văn T: 01 xe mô tô biển số 52LA-8803, nhãn hiệu cup 50, màu Xanh, số máy C50E-323214, số khung C50YJ-041701; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 101.

+ Lê Thị Hồng L: 10.500.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia 3600.

+ Nguyễn Thị Kim L2: 400.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia 1202.

+ Lê Văn V: 01 điện thoại di động Nokia 108.

+ Nguyễn Văn S: 01 điện thoại di động Nokia 5130.

+ Lê Thị Kim H: 12.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia loại C2.

+ Lê Thành H: 01 điện thoại di động Iphone 4S.

+ Trần Văn L3: 01 điện thoại di động Nokia 280, màu bạc.

- Đối với: Số tiền 6.000.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia 7610 (Thu giữ của Nguyễn Thị Thương; Số tiền 2.100.000 đồng (Thu giữ của Trần Thị Kim Mộng); 01 điện thoại di động Iphone 3 (Thu giữ của Đặng Thị Quan Miêu); 02 điện thoại di động, hiệu Nokia E72 và 6303 (Thu giữ của Lê Thị Ngọc Bích); 02 điện thoại di động Nokia 1202 và 1600 (Thu giữ của Lê Tấn Dương). Quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè trả toàn bộ số tài sản trên cho Nguyễn Thị Thương, Lê Thị Ngọc Bích, Trần Thị Kim Mộng, Đặng Thị Quan Miêu và Lê Tấn Dương là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với 04 chiếc xe mô tô: 01 xe mô tô biển số 51Z2-8401, nhãn hiệu Wave, màu xanh thu giữ của Lê Thị Ngọc Bích; 01 xe mô tô biển số 95F5-3666, nhãn hiệu Honda click, màu đen thu giữ của Trần Thị Kim Mộng; 01 xe mô tô biển số 54Z8-5735, nhãn hiệu Future, màu đỏ-xám-đen thu giữ của Ngô Thị Kim Trang; 01 xe mô tô biển số 54Z8-8318, nhãn hiệu SH, màu nâu thu giữ của Nguyễn Thị Thương. Quá trình điều tra xác định 04 chiếc xe mô tô này không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè đã trả 04 chiếc xe trên cho Lê Thị Ngọc Bích, Trần Thị Kim Mộng, Ngô Thị Kim Trang và Nguyễn Thị Thương là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Không

Về các vấn đề khác:

- Đối với Nguyễn Thị Kim L2 được Lan nhờ lấy tiền xâu 01 ván được 50.000 đồng. Số tiền này, Lê đưa lại cho Lan, không được Lan chia tiền, không hưởng lợi về việc lấy xâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè ra Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can Nguyễn Thị Kim L2 về tội “Tổ chức đánh bạc” (BL 828-829) là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với Nguyễn Tấn N1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Hồng N2 và Trần Văn L3. Do chuyển biến tình hình mà hành vi phạm tội của các bị cáo không còn nguy

hiểm cho xã hội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè ra Quyết định đình chỉ vụ án, miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nhàn, Loan, Nở và Lù là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với Nguyễn Thị Thương, Lê Thị Ngọc Bích, Trần Thị Kim Mộng, Đặng Thị Quan Miêu và Lê Tấn Dương. Quá trình điều tra xác định có mặt tại sòng bạc nhưng không tham gia đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè không xử lý là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo: Lê Thị Hồng L, Lê Văn T, Lê Thị Mộng C, Nguyễn Văn S, Lê Văn V, Nguyễn Văn L, Lê Thị Kim H, Lê Thành H, Nhữ Thị H1, Phạm Văn L1 đều đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trong Cáo trạng, nội dung phân tích, luận tội của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, đồng thời các bị cáo cũng cho rằng mình không bị oan và trong lời nói sau cùng các bị cáo đều đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được mức hình phạt nhẹ để tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, thẩm quyền tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra công an huyện Nhà Bè, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng như: Biên bản tạm giữ tang vật ngày 27/4/2014 bị tẩy xóa, sửa chữa mà không có sự xác nhận của các bị cáo và những người liên quan, Biên bản cũng không đóng dấu giáp lai theo quy định; Khi công an đến hiện trường thì các bị cáo đã nghỉ đánh bài được khoảng 10 phút. Biên bản bắt người phạm tội quả tang không phải lập tại hiện trường mà lập tại trụ sở Công an xã, thực tế không có mặt Cẩm, Nhàn, Hiệp nhưng lại ghi có mặt cả những người này. Nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang không phản ánh đúng thực tiễn khách quan nên khó khăn trong việc đánh giá chứng cứ và xem xét vai trò của những đối tượng có liên quan.

Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã nhiều lần trả hồ sơ điều tra bổ sung để khắc phục những vi phạm về thủ tục tố tụng và xem xét vai trò, hành vi của những đối tượng có liên quan nhưng vụ án xảy ra đã lâu do đó không thể khắc phục được những vi phạm này. Xét những vi phạm về thủ tục tố tụng mặc dù không khắc phục được nhưng những vi phạm này cũng không làm thay đổi bản chất vụ án. Trong quá trình điều tra, truy tố; các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Căn cứ lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, các bị cáo đều xác định có đánh bạc. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung và kiến nghị Cơ quan Điều tra công an huyện

Nhà Bè, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè và Kiểm sát viên nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2] Tại phiên tòa hôm nay: Các bị cáo Lê Thị Hồng L, Lê Văn T, Lê Thị Mộng C, Nguyễn Văn S, Lê Văn V, Nguyễn Văn L, Lê Thị Kim H, Lê Thành H, Nhữ Thị H1, Phạm Văn L1 cùng thừa nhận vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 27 tháng 4 năm 2014, Lê Thị Hồng L đã có hành vi cung cấp 01 chiếc chiếu, 20 bộ bài tây loại bài 52 lá cho Nguyễn Tấn N1, Lê Thị Mộng C, Phạm Văn L1, Nguyễn Văn S, Lê Văn V, Nguyễn Văn L, Lê Thị Kim H, Lê Thành H, Nhữ Thị H1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Hồng N2 và Trần Văn L3 đánh bạc được thua bằng tiền tại nhà của Lan tại địa chỉ: Nhà không số, đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 2, xã Long Thới, huyện Nhà Bè để thu tiền xâu. Lê Văn T là đồng phạm giúp sức cho Lê Thị Hồng Lan. Tổng cộng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 22.180.000 đồng.

Riêng bị cáo Lê Thị Mộng C không thu giữ được tiền nhưng do ngày 27/5/2013, bị cáo Cẩm bị Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè xử phạt 15.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2013/HS-ST, bị cáo Cẩm đã chấp hành xong bản án. Tuy nhiên, ngày 27/4/2014, bị cáo Cẩm bị bắt trong vụ án này. Do đó, bị cáo Cẩm thuộc trường hợp đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè truy tố:

- Bị cáo Lê Thị Hồng L và bị cáo Lê Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Các bị cáo: Lê Thị Mộng C, Nguyễn Văn S, Lê Văn V, Nguyễn Văn L, Lê Thị Kim H, Lê Thành H, Nhữ Thị H1, Phạm Văn L1 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Thị Hồng L và bị cáo Lê Văn T đã phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 249; Còn các bị cáo: Lê Thị Mộng C, Nguyễn Văn S, Lê Văn V, Nguyễn Văn L, Lê Thị Kim H, Lê Thành H, Nhữ Thị H1, Phạm Văn L1 đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Sự thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tang vật thu giữ.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.
- Về tình tiết giảm nhẹ:

+ Xét tại phiên tòa hôm nay tất cả các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, có thái độ hối cải, vụ án xảy ra từ năm 2014, từ đó đến nay các bị cáo không phạm tội mới, không vi phạm pháp luật, luôn có mặt theo giấy triệu tập của các cơ quan tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Phạm Văn L1 tuy bị các cơ quan tiến hành tố tụng truy nã nhưng đã ra đầu thú ngày 26/9/2022.

+ Riêng đối với các bị cáo: Nguyễn Văn S, Lê Văn V, Nguyễn Văn L, Lê Thị Kim H, Lê Thành H, Nhữ Thị H1, Phạm Văn L1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo này một phần hình phạt theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo đều là người đã trưởng thành, có khả năng nhận thức được hành vi tổ chức đánh bạc, hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng do có lối sống buông thả, háms lợi và xem thường pháp luật nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến trật tự công cộng và gây mất trật tự trị an chung. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử cần xử phạt mỗi bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng mới có khả năng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tôn trọng pháp luật và đề phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đều có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo đều chủ yếu phạm tội do tham lợi nên không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 phạt tiền các bị cáo là hình phạt chính.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

[6] Về việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu sọc vàng, đỏ, xanh, kích thước 2x1,6m; 20 bộ bài tây, loại 52 lá, hiệu 52 lá, hiệu Doublek.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 400.000 đồng (Thu giữ của Nhữ Thị H1 dùng để đánh bạc);

+ 750.000 đồng (Thu giữ của Nguyễn Văn L dùng để đánh bạc);

+ 180.000 đồng (Thu giữ của Lê Thị Hồng L – Tiền xấu);

+ 50.000 đồng (Thu giữ của Nguyễn Thị Kim L2 - láy xấu thay cho Lan);

+ 2.200.000 đồng (Thu giữ của Lê Văn V dùng để đánh bạc);

+ 6.100.000 đồng (Thu giữ của Nguyễn Văn S dùng để đánh bạc);

- + 2.500.000 đồng (Thu giữ của Lê Thị Kim H dùng để đánh bạc);
- + 7.000.000 đồng (Thu giữ của Lê Thành H dùng để đánh bạc);
- + 3.000.000 đồng (Thu giữ của Phạm Văn L1 dùng để đánh bạc).

Tổng cộng là: **22.180.000** đồng.

- Trả lại các tài sản sau do không liên quan đến việc phạm tội:

+ Nhữ Thị H1: 9.295.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 55Z8-3451, nhãn hiệu Honda Click, màu đỏ đen, số máy F18E-0209529, số khung 806AY-758411; 01 điện thoại di động Nokia 6300, màu đen-trắng.

+ Nguyễn Văn L: 01 xe mô tô biển số 59Z1-041.96, nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu đỏ -đen, số máy 5P11-354031, số khung 10BY-354026; 01 điện thoại di động Nokia X1; 01 điện thoại di động Nokia X2.

+ Phạm Văn L1: 01 xe mô tô biển số 54L1-3295, nhãn hiệu Wave, màu bạc-đỏ-đen, số máy V-346378, số khung H-006378; 01 điện thoại di động Nokia 1308.

+ Nguyễn Thị L2: 01 xe mô tô biển số 53R9-2050, nhãn hiệu Attila, màu trắng, số máy VMEM9B-419860, số khung H125ED4D-419860; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Masster 25.

+ Nguyễn Hồng N2: 01 xe mô tô biển số 52Z8-6408, nhãn hiệu Wave α , màu đen, số máy HC09E-5492256, số khung Y-392997; 01 điện thoại di động Nokia 0434, màu đen.

+ Lê Văn T: 01 xe mô tô biển số 52LA-8803, nhãn hiệu cup 50, màu Xanh, số máy C50E-323214, số khung C50YJ-041701; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 101, màu đỏ.

+ Lê Thị Hồng L: 10.500.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia 3600.

+ Nguyễn Thị Kim L2: 400.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia 1202.

+ Lê Văn V: 01 điện thoại di động Nokia 108.

+ Nguyễn Văn S: 01 điện thoại di động Nokia 5130.

+ Lê Thị Kim H: 12.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia loại C2.

+ Lê Thành H: 01 điện thoại di động Iphone 4S.

+ Trần Văn L3: 01 điện thoại di động Nokia 280, màu bạc.

- Đối với: Số tiền 6.000.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia 7610 (Thu giữ của Nguyễn Thị Thương; Số tiền 2.100.000 đồng (Thu giữ của Trần Thị Kim Mộng); 01 điện thoại di động Iphone 3 (Thu giữ của Đặng Thị Quan Miều); 02 điện thoại di động, hiệu Nokia E72 và 6303 (Thu giữ của Lê Thị Ngọc Bích); 02 điện thoại di động Nokia 1202 và 1600 (Thu giữ của Lê Tấn Dương). Quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè trả toàn bộ số tài sản trên cho Nguyễn Thị Thương, Lê Thị Ngọc

Bích, Trần Thị Kim Mộng, Đặng Thị Quan Miêu và Lê Tấn Dương là có căn cứ, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với 04 chiếc xe mô tô: 01 xe mô tô biển số 51Z2-8401, nhãn hiệu Wave, màu xanh thu giữ của Lê Thị Ngọc Bích; 01 xe mô tô biển số 95F5-3666, nhãn hiệu Honda click, màu đen thu giữ của Trần Thị Kim Mộng; 01 xe mô tô biển số 54Z8-5735, nhãn hiệu Future, màu đỏ-xám-đen thu giữ của Ngô Thị Kim Trang; 01 xe mô tô biển số 54Z8-8318, nhãn hiệu SH, màu nâu thu giữ của Nguyễn Thị Thương. Quá trình điều tra xác định 04 chiếc xe mô tô này không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè đã trả 04 chiếc xe trên cho Lê Thị Ngọc Bích, Trần Thị Kim Mộng, Ngô Thị Kim Trang và Nguyễn Thị Thương là có căn cứ, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối với Nguyễn Thị Kim L2 được Lan nhờ lấy tiền xâu 01 ván được 50.000 đồng. Số tiền này, Lê đưa lại cho Lan, không được Lan chia tiền, không hưởng lợi về việc lấy xâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè ra Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can Nguyễn Thị Kim L2 về tội “Tổ chức đánh bạc” (BL 828-829) là có căn cứ, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát cũng không đề nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với Nguyễn Tấn N1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Hồng N2 và Trần Văn L3. Do chuyển biến tình hình mà hành vi phạm tội của các bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè ra Quyết định đình chỉ vụ án, miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nhàn, Loan, Nở và Lù là có căn cứ, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát cũng không đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với Nguyễn Thị Thương, Lê Thị Ngọc Bích, Trần Thị Kim Mộng, Đặng Thị Quan Miêu và Lê Tấn Dương. Quá trình điều tra xác định có mặt tại sòng bạc nhưng không tham gia đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè không xử lý là có căn cứ, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát cũng không đề nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố các bị cáo: Lê Thị Hồng L, Lê Văn T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Tuyên bố các bị cáo: Lê Thị Mộng C, Nguyễn Văn S, Lê Văn V, Nguyễn Văn L, Lê Thị Kim H, Lê Thành H, Nhữ Thị H1, Phạm Văn L1 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 249, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng L 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 249, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Văn T 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thị Mộng C 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Văn V 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thị Kim H 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thành H 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

9. Căn cứ khoản 1 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm

2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nhữ Thị H1 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

10. Căn cứ khoản 1 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Văn L1 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

II. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu sọc vàng, đỏ, xanh, dài khoảng 2m, rộng khoảng 1,6; 20 bộ bài tây, loại 52 lá, hiệu 52 lá, hiệu Doublek.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 400.000 đồng thu giữ của Nhữ Thị H1;

+ 750.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn L;

+ 180.000 đồng thu giữ của Lê Thị Hồng L;

+ 50.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị Kim L2;

+ 2.200.000 đồng thu giữ của Lê Văn V;

+ 6.100.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn S;

+ 2.500.000 đồng thu giữ của Lê Thị Kim H;

+ 7.000.000 đồng thu giữ của Lê Thành H;

+ 3.000.000 đồng thu giữ của Phạm Văn L1.

Tổng cộng là: 22.180.000 đồng.

- Trả lại các tài sản sau:

+ Nhữ Thị H1: 9.295.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại JF18 Click, màu đỏ đen, biển số 55Z8-345.1, số máy 0209529 - F18E, số khung 758411-806AY, dung tích xi lanh 108, xe đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy; 01 điện thoại di động Nokia 6300, màu đen-trắng, đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy.

+ Nguyễn Văn L: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, biển số 59Z1-041.96, màu đỏ -đen, số khung 354026-10BY, số máy 354031-5P11, dung tích xi lanh 132, xe đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy; 01 điện thoại di động hiệu Nokia X1, màu đen, đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy; 01 điện thoại di động hiệu Nokia X2, màu đen, đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy.

+ Phạm Văn L1: 01 xe mô tô nhãn hiệu Shmoto (thực tế xe nhãn hiệu Wave), biển số 54L1-329.5, màu bạc-đỏ-đen, số máy V-346378, số khung H-006378, dung

tích xi lanh 107, xe đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy; 01 điện thoại di động Nokia 1308, đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy.

+ Nguyễn Thị L2: 01 xe mô tô nhãn hiệu Attila, biển số 53-R9-2050, , màu trắng, số máy 419860-VMEM9B, số khung 419860-H125ED4D, dung tích xi lanh 124, xe đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy; 01 điện thoại di động hiệu Masster P25, màu đỏ, đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy.

+ Nguyễn Hồng N2: 01 xe mô tô biển số 52Z8-640.8, nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu đen, số khung 392997-Y, số máy 5492256-HC09E, dung tích xi lanh 97, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 0434, màu đỏ, đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy.

+ Lê Văn T: 01 xe máy nhãn hiệu Honda, màu xanh, biển số 52-LA-8803, số seri A0777097, số máy C50E-323214, số khung C50YJ-041701, dung tích xi lanh 49, xe đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 101, màu đỏ, đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy.

+ Lê Thị Hồng L: 10.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3600S, màu nâu, đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy.

+ Nguyễn Thị Kim L2: 400.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202-2, màu trắng – đen, đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy.

+ Lê Văn V: 01 điện thoại di động Nokia 108, đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy.

+ Nguyễn Văn S: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 5130C-2, màu đen – đỏ, đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy.

+ Lê Thị Kim H: 12.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia C2, màu đỏ, đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy.

+ Lê Thành H: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4S, màu trắng, đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy.

+ Trần Văn L3: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 280, màu bạc, đã qua sử dụng, tỷ lệ % không xác định, không kiểm tra bên trong máy.

(Theo Phiếu nhập kho số 2015-NK33 ngày 01/4/201 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè 5; Phiếu nhập kho số 2023-NK018 ngày 06/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè; Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 02/3/2015 của Kho bạc nhà nước Nhà Bè; Lệnh thanh toán ngày 06/02/2023 và chứng từ giao dịch 06/02/2023 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Nhà Bè).

III. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

IV. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND.TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Thi hành án HS huyện Nhà Bè;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Trại tạm giam Chí Hòa – T30;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Long

